

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18-7-2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chu Y.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quốc Hưng;

Ông Lê Hùng Chương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, về việc: “Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1968. Nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1968.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ấp T, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Bà K và ông H có đơn xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 6 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn- bà Nguyễn Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H quen biết nhau một thời gian và về chung sống với nhau từ năm 1990, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, ông bà sinh sống ở quê một thời gian rồi hai vợ chồng lên sinh sống tại ấp Bình Linh, xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng chung sống tính tình không hợp nhau, thường xuyên gây gổ cãi vã nhau, ông H có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Từ năm 2015 vợ chồng ly thân với nhau. Ông H hiện về sống tại ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh sinh sống cho đến nay. Bà và ông H không còn mong muốn chung sống với nhau nữa nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết không công nhận bà và ông H là vợ chồng.

- Về con chung: Bà và ông H có 02 người con chung tên Phạm Thị D, sinh ngày 05/10/1991 và Phạm Thị C, sinh ngày 25/12/1993. Hiện tại, con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà K không còn yêu cầu hay trình bày gì khác.

Bị đơn – Ông Phạm Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thừa nhận lời trình bày của bà K là đúng, ông đề nghị Tòa án không công nhận giữa ông và bà K là vợ chồng.

- Về con chung: Theo lời khai của bà H là đúng, ông thống nhất con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông H không còn yêu cầu hay trình bày gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 9; Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị K. Không công nhận bà Nguyễn Thị K và ông Phạm Văn H là vợ chồng. Không giải quyết về nuôi con, tài sản chung và nợ chung do các đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Bà K phải chịu tiền án phí theo pháp luật quy định.

- Về yêu cầu khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: **Bà K và ông H chung sống với nhau từ năm 1990**, mặc dù đã có con chung nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần tuyên bố không công nhận là bà K và ông H là vợ chồng.

[3] Về con chung: **Bà K và ông H thống nhất trình bày** có 02 (hai) người con chung tên Phạm Thị D, sinh ngày 05/10/1991 và Phạm Thị C, sinh ngày 25/12/1993 đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được. **Bà K và ông H** không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: **Bà K và ông H** không có yêu cầu nên không xem xét ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà K phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K đối với ông Phạm Văn H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị K và ông Phạm Văn H là vợ chồng.

1.2. Về con chung: Do con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được bà Nguyễn Thị K và ông Phạm Văn H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0022600 ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Bà K đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Phạm Văn H không phải chịu tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà K, ông H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Lợi Thuận;
- UBND xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu tập án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Chu Y

Hội thẩm nhân dân Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Quốc Hưng Lê Hùng Chương

Trần Thị Chu Y

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Lợi Thuận;
- UBND xã Chà Là;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Chu Y

